

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÒN ĐẤT
TỈNH KIÊN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 92/2024/HNGĐ-ST.
Ngày: 01/7/2024.
V/v tranh chấp ly hôn và nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒN ĐẤT – TỈNH KIÊN GIANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trịnh Thị Hồng Điệp.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Thành Thái.
2. Bà Phạm Hồng Gái.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Đinh Thị Ngọc Lan - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang.

- **Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Hòn Đất tham gia phiên tòa:** Không.

Ngày 01 tháng 7 năm 2024 tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 211/2024/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 05 năm 2024 về việc “tranh chấp ly hôn và nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 86/2024/QĐXXST-HNGĐ, ngày 06 tháng 6 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 40/2024/QĐST-HNGĐ, ngày 17 tháng 6 năm 2024 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị **Lâm Thanh Hoàng T**, sinh năm 1988; Địa chỉ: **Tổ B khu phố M, thị trấn M, huyện C, tỉnh Kiên Giang** (có đơn xin vắng mặt).

- **Bị đơn:** Anh **Phạm Văn P**, sinh năm 1993; Địa chỉ: **khu phố T, thị trấn H, huyện H, tỉnh Kiên Giang** (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết nguyên đơn chị Lâm Thanh Hoàng T trình bày như sau:

- **Về hôn nhân:** Chị **Lâm Thanh Hoàng T** và anh **Phạm Văn P** tự nguyện tìm hiểu và yêu thương nhau, anh chị được gia đình hai bên tổ chức đám cưới vào năm 2016 và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân (UBND) **thị trấn H, huyện H, tỉnh Kiên Giang** và

được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 31/10/2017. Trong quá trình chung sống với nhau chị và anh **P** sống rất hạnh phúc, đến khoảng tháng 5 năm 2023 thì chị và anh **P** bắt đầu xảy ra mâu thuẫn, chủ yếu là do tính tình không hợp nhau và bất đồng quan điểm sống, anh **P** hay ghen vô cớ nên dẫn đến chị và anh **P** thường xuyên cự cãi nhau đến tháng 8 năm 2023 chị và anh **P** đã sống ly thân với nhau, hiện tình cảm vợ chồng giữa chị và anh **P** không còn nên chị **T** làm đơn yêu cầu được ly hôn với anh **Phạm Văn P**.

- *Về con chung*: Có 02 người con chung tên **Phạm Hoàng Linh Đ**, sinh ngày 13/12/2017 và **Phạm Lâm Hoàng B**, sinh ngày 23/7/2021 (hiện các con chung đang do chị **T** nuôi dưỡng). Ly hôn chị **T** yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng 02 người con chung và không yêu cầu anh **P** cấp dưỡng nuôi con chung.

- *Về tài sản chung*: Chị **T** khai rằng chị và anh **P** không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về nợ chung*: Không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Phạm Văn P: Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ cho anh **Phạm Văn P** thông báo thụ lý vụ án, các thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng anh **P** đều vắng mặt nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của anh **P** đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên Tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định vụ án như sau:

[1] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết*: Theo đơn khởi kiện chị **Lâm Thanh Hoàng T** yêu cầu được ly hôn với anh **Phạm Văn P**; Xét thấy đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình mà bị đơn anh **Phạm Văn P** có nơi cư trú tại **khu phố T, thị trấn H, huyện H, tỉnh Kiên Giang** nên thuộc thẩm giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] *Về thủ tục tố tụng*: Bị đơn anh **Phạm Văn P** đã được tổng đạt hợp lệ, nhưng anh **P** vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử (HĐXX) quyết định tiến hành xét xử trong trường hợp vắng mặt bị đơn tại phiên tòa.

[3] *Về nội dung vụ án*:

[3.1] *Về quan hệ hôn nhân*: Qua xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện; Chị **Lâm Thanh Hoàng T** và anh **Phạm Văn P** thiết lập quan hệ hôn nhân vào năm 2016 trên cơ sở tự nguyện, anh chị có tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương và anh chị có thực hiện thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn H, huyện H, tỉnh Kiên Giang và được cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn vào ngày 31/10/2017. Như vậy, hôn nhân giữa chị **Lâm Thanh Hoàng T** và anh **Phạm Văn P** là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Xét về tình trạng hôn nhân: Hội đồng xét xử thấy rằng sau thời gian chung sống hạnh phúc với nhau thì chị **T** và anh **P** có phát sinh nhiều mâu thuẫn; theo như chị **T** trình bày thì mâu thuẫn giữa vợ chồng chị chủ yếu là bất đồng về quan điểm sống, nói chuyện không hợp nhau và anh **P** hay ghen tuông vô cớ nên dẫn đến việc chị và anh **P** thường xuyên cự cãi nhau và kể từ tháng 8 năm 2023 chị **T** và anh **P** bắt đầu sống ly thân với nhau; đồng thời chị **T** cũng xác định rằng trong thời gian sống ly thân chị và anh **P** không còn liên lạc hay quan tâm gì đến nhau, cũng như không thực hiện quyền và nghĩa vụ chung của vợ chồng.

Hơn nữa, trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành giải thích pháp luật và động viên chị **T** đoàn tụ nhưng chị **T** vẫn kiên quyết muốn ly hôn với anh **P**. Ngoài ra, Tòa án cũng tổng đạt các văn bản tố tụng cho anh **P** nhiều lần nhưng anh **P** vẫn vắng mặt, điều này chứng tỏ anh **P** cũng không muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng. Điều này chứng tỏ cuộc sống vợ chồng của chị **T** và anh **P** đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Như vậy, có đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị **Lâm Thanh Hoàng T** đối với anh **Phạm Văn P**.

Căn cứ khoản 1 Điều 56 của luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. HĐXX thống nhất chấp nhận cho chị **Lâm Thanh Hoàng T** được ly hôn với anh **Phạm Văn P**.

[3.2] *Về quan hệ con chung*: Chị **T** xác định chị và anh **P** có 02 người con chung tên **Phạm Hoàng Linh Đ**, sinh ngày 13/12/2017 và **Phạm Lâm Hoàng B**, sinh ngày 23/7/2021. Ly hôn chị **T** yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng 02 người con chung cho đến tuổi thành niên.

Xét yêu cầu xin được nuôi con của chị **T**; HĐXX xét thấy yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cả 02 người con chung của chị **T** là có cơ sở chấp nhận. Bởi lẽ; theo như chị **T** trình bày thì từ khi chị và anh **P** sống ly thân với nhau cho đến nay thì 02 người con chung đều do chị nuôi dưỡng; phía anh **P** cũng không có ý kiến gì về việc yêu cầu nuôi con của chị **T**. Hơn nữa, cũng nhằm để cho các cháu ổn định cuộc sống, học tập và phát triển tốt hơn về sau nên giao cháu **Phạm Hoàng Linh Đ**, và **Phạm Lâm Hoàng B**

cho chị **T** tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp. Vì vậy, HĐXX thống nhất giao các con chung cho chị **T** được tiếp tục nuôi dưỡng cho đến tuổi thành niên.

- Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Do chị **T** không yêu cầu anh **P** phải cấp dưỡng nuôi con chung. Do đó HĐXX miễn xét.

[3.3] Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Chị **T** xác nhận chị và anh **P** không có tài sản chung và không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết nên HĐXX không xem xét. Nếu sau này có phát sinh tranh chấp thì các bên có quyền khởi kiện ở vụ kiện dân sự khác.

[4] Về án phí sơ thẩm: Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án thì chị **T** phải chịu án phí hôn nhân gia đình theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 232, 273 và Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Áp dụng khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho chị **Lâm Thanh Hoàng T** được ly hôn với anh **Phạm Văn P**.

2/ Về quan hệ con chung: Giao các cháu **Phạm Hoàng Linh Đ**, sinh ngày 13/12/2017 và **Phạm Lâm Hoàng B**, sinh ngày 23/7/2021 cho chị **Lâm Thanh Hoàng T** được tiếp tục nuôi dưỡng cho đến tuổi thành niên.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Do chị **T** không yêu cầu nên HĐXX miễn xét.

Trong thời gian chị **T** nuôi con chung; anh **P** có quyền được thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền cản trở theo quy định của pháp luật.

3/ Về tài sản chung và nợ chung: Không xét.

4/ Về án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm: Buộc chị **Lâm Thanh Hoàng T** phải nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí mà chị đã nộp là 300.000đồng theo biên lai thu số: 0000965, ngày 23/4/2024 tại Chi cục thi hành

án dân sự huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang. Như vậy, chị **T** không phải nộp thêm tiền án phí sơ thẩm, anh **P** không phải nộp án phí sơ thẩm.

5/ Quyền kháng cáo: Báo cho các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TA tỉnh Kiên Giang;
- VKS nhân dân huyện Hòn Đất;
- THA huyện Hòn Đất;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Trịnh Thị Hồng Điệp